TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST

Ngày 12-03-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Ngô Văn Sang;

2.Bà Vũ Thị Thúy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H1, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1996 tại xã H2, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T2, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Nguyễn Duy Q, sinh năm 1972; họ tên mẹ: Lã Thị Y, sinh năm 1977; họ tên chồng: Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; chưa có con; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại bản án số 75/2013/HSPT ngày 22/7/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 05 (Năm) năm tù về tội *"Cướp tài sản"*. Tại bản án số 58/2013/HSPT ngày 30/8/2013, Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 01 (Một) năm tù về tội *"Không tố giác tội phạm"*; tổng hợp với hình phạt 05 (Năm) năm tù về tội *"Cướp tài sản"* của bản án số 75/2013/HSPT ngày 22/7/2013, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (Sáu) năm tù. Đến ngày 31/8/2015, bị cáo được đặc xá.

Danh chỉ bản số 1099 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 20/9/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/9/2017 đến 26/9/2017; hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; địa chỉ Thôn T2, xã T3, huyện T1, tỉnh Thái Bình-là người đại diện cho bị cáo. Có mặt.

Bị hại: Chị Lê Thị N1, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn N2, xã T4, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1). Bà Giang Thị L, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn V1, xã M1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2). Chị Tạ Thị H3, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn N2, xã T4, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 40 ngày 20/9/2017, bị cáo đi xe môtô từ nhà đến khu vực ngã tư chợ G1 thuộc xã T4, vào quầy tạp hóa của chị Lê Thị N1 mua hàng. Mẹ chị N1 là bà Giang Thị L1 trực tiếp bán hàng cho bị cáo; sau khi bán hàng thì bà đi vào phía trong nhà nên quầy hàng không có người trông coi. Bị cáo đem số hàng tạp hóa vừa mua ra treo vào xe môtô, khi nhìn vào quầy hàng không thấy người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo đi vào gian quán, thấy trong tủ kính có một ngăn kéo bằng tôn, không khóa; bị cáo mở ngăn kéo thấy bên trong có nhiều tiền lẻ và một hộp nhựa đựng nhiều thẻ điện thoại. Bị cáo cầm hộp nhựa đựng thẻ để lên mặt tủ rồi lấy tiền trong ngăn kéo cho vào ngăn rỗng của túi xách mà bị cáo mang theo bên người. Ngay sau đó, bị cáo cầm hộp nhựa đựng thẻ điện thoại đi ra nơi để xe. Khi bị cáo đi gần đến nơi để xe thì bị bà L1 phát hiện, hô lên. Ngay lúc đó, chị N1, chị H3 chạy đến cùng giữ bị cáo, vụ việc được báo công an xã. Qua kiểm tra, xác định bị cáo đã trộm cắp số tiền 463.000đồng và 48 thẻ điện thoại gồm: 10 thẻ Vinaphone loại mệnh giá 20.000đồng; 20 thẻ Viettel có mệnh giá 20.000đồng; 8 thẻ Viettel có mệnh giá 50.000đồng; 4 thẻ Viettel mệnh giá 100.000đồng; 03 thẻ Mobiphone có mệnh giá 20.000đồng; 3 thẻ Mobiphone có mệnh giá 50.000đồng. Tất cả các thẻ điện thoại đều còn trong hạn sử dụng. Tổng số tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị 2.073.000đồng.

Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 440/KL-GĐ ngày 12/12/2017 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương: Trước, trong khi xảy ra vụ việc và tại thời điểm giám định, bị cáo bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Tại các thời điểm trên, bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định: Khi bị cáo mang hàng vừa mua ra xe thì phát hiện quầy hàng không có người trông coi nên bị cáo quay trở lại trộm cắp số tiền 463.000,đồng và 48 thẻ điện thoại như cáo trạng xác định. Ngay khi đó, người bán hàng phát hiện, tri hô nên mọi người ra bắt giữ bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Không có ý kiến gì về tội danh; đề nghị Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhược điểm về tinh thần, khai báo thành khẩn; đề nghị xử bị cáo mức án thấp nhất.

Bị hại là chị Lê Thị N1 trình bày: Gia đình chị có quầy hàng tạp hóa ở khu vực ngã tư T4. Sáng 20/9/2017, mẹ chị bán hàng cho bị cáo xong thì đi vào trong nhà. Một lát sau, mẹ chị quay ra ngay thì chị nghe tiếng mẹ chị hô nên chị chạy ra giữ bị cáo; sau đó báo công an xã. Chị đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất; không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản gì khác.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 24/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138

Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo Hiền phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Kiểm sát viên căn cứ:

Khoản 1 Điều 138; Điểm g; điểm n; điểm p, điểm n khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33; điều 45 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 (Bốn) tháng đến dưới 06 (Sáu) tháng tù. Trả lại bị cáo số tiền 1.584.000đồng. Về trách nhiêm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2].Về hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Sáng ngày 20/9/2017, bị cáo đã thực hiện vụ trộm cắp tiền và thẻ điện thoại tại quầy hàng của chị Lê Thị N1.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an xã T4 lập; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu; Biên bản xác minh giá trị sử dụng và thời hạn sử dụng thẻ Vinaphone; Viettel; Mobiphone; Đơn trình báo, lời khai của bị hại là chị Lê Thị N1; của những người làm chứng là bà Giang Thị L1, chị Tạ Thị H3 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Sáng 20/9/2017, bị cáo H1 lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản đã trộm cắp của chị Lê Thị N1 số tiền 463.000,đồng và 48 thẻ điện thoại. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp giá trị 2.073.000đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản" theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo là người có nhân thân xấu; mới được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự, cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự

xử phạt tù đối với bị cáo. Như vậy, có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, điểm n, điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định.

[3]. Về vật chứng, xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Lê Thị N1 số tiền 463.000đồng; 10 thẻ điện thoại Vinaphone loại mệnh giá 20.000đồng; 20 thẻ điện thoại Viettel có mệnh giá 20.000đồng; 8 thẻ điện thoại Viettel có mệnh giá 50.000đồng; 4 thẻ mệnh giá 100.000đồng; 03 thẻ điện thoại Mobiphone có mệnh giá 20.000đồng; 3 thẻ điện thoại Mobiphone có mệnh giá 50.000đồng. Cơ quan điều tra cũng đã trả cho bà Lã Thị Y 01 xe mô tô biển kiểm soát 17B6- 189.59; đã trả cho bị cáo 01 túi xách.

-Số tiền 1.584.000đồng là tiền của bị cáo, cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án; số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản; không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm g, điểm n, điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 47; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1: 04 (Bốn) tháng tù; được trừ 06 (Sáu) ngày tạm giữ từ ngày 20/9/2017 đến 26/9/2017; bị cáo còn phải thi hành 03 (Ba) tháng 24 (Hai mươi bốn) ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

Chuyển số tiền 1.584.000đồng hiện đang quản lý theo biên lai 0006691 ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy vào thi hành án; số tiền còn thừa trả lại cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng

Nơi nhận:
-Bị cáo;
-Bị hại;
-VKSND huyện Thái Thụy;
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
-Cơ quan thi hành án hình sự;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
-Lưu hồ sơ vụ án.